

CHUYÊN ĐỀ 2

MỘT SỐ KỸ NĂNG GIÚP ĐẠT HIỆU QUẢ TỐT PHẦN THỰC HÀNH MÔN ĐỊA LÍ 12

I. Đặt vấn đề

Chương trình GDPT 2018 lớp 12 Địa Lí có nội dung đa dạng, kênh hình phong phú, nhiều bài tập với bảng số liệu, đặc biệt thi tốt nghiệp có phần kỹ năng tính toán, nhận xét, nhận dạng các kiểu vẽ biểu đồ, Điều này đòi hỏi giáo viên phải thay đổi phương pháp giảng dạy và ôn tập, tăng cường sử dụng phương tiện dạy học, làm bài tập thường xuyên nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác của học sinh. Mặt khác, một số học sinh vẫn coi Địa lí là môn học thuộc bài nên chưa quan tâm chú ý và học theo kiểu đối phó. Vì vậy, vấn đề đặt ra ở đây là làm sao để học sinh hứng thú, yêu thích môn học và học tập rèn luyện kỹ năng để đạt chất lượng cao hơn trong bộ môn và trong kỳ thi tốt nghiệp nếu có lựa chọn Địa lí.

Qua đó người giáo viên cần đầu tư nhiều hơn vào công tác thiết kế bài dạy và tổ chức dạy học trên lớp theo tinh thần tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh. Đồng thời giáo viên cần thật sự quan tâm tới việc bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng khai thác kiến thức thông qua biểu đồ, bản đồ, sơ đồ, tranh ảnh... và vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đem lại niềm tin và hứng thú cho học sinh vào môn Địa lí.

Học địa lí không phải là học một cách máy móc thầy nói trò nghe, cũng không phải học từng phần riêng biệt độc lập. Mỗi bài, mỗi phần đều có sự gắn kết, đều có mối quan hệ qua lại tác động đến nhau. Trong chương trình địa lí học sinh được tìm hiểu về tự nhiên, về các hoạt động kinh tế xã hội của con người dựa trên đặc điểm tự nhiên sẵn có. Vì vậy việc dạy học

địa lí không thể theo kiểu truyền thống thầy đưa ra câu hỏi, học sinh trả lời máy móc như sách mà không có sự mở rộng, không được minh họa kiến thức bằng tranh ảnh, lại không phát huy khả năng vận động, suy luận và tính toán của học sinh. Vì thế việc đưa ra một vài biện pháp phát huy tính tích cực chủ động của học sinh trong giờ học Địa lí, rèn luyện các kỹ năng làm bài tập là một cách hữu hiệu để học sinh được vận động, được phát huy vốn hiểu biết của mình, qua đó có thể tự mình kiểm tra kiến thức của bản thân đồng thời thấy rõ mối quan hệ của các thành phần địa lí, không những thế qua việc đưa ra các hình thức học đổi mới, các em được rèn khả năng tư duy nhanh, lập luận suy diễn logic.

II. Thực trạng

1. Về mặt thuận lợi:

Do yêu cầu của việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới hình thức thi và dạng đề thi, nên cũng tạo nhiều thuận lợi cho giáo viên và học sinh tăng cường tổ chức các hoạt động trên lớp theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh; hầu hết học sinh có thể sử dụng các phương tiện thông tin mạng internet để học tập và sưu tầm kiến thức, giáo viên là người tổ chức điều khiển còn học sinh là trung tâm các hoạt động để tìm tòi và lĩnh hội kiến thức một cách chủ động.

2. Về mặt khó khăn:

Nội dung chương trình giáo dục đổi mới 2018 tương đối khó và nhiều kiến thức trong một bài, một tiết học; trình độ học sinh trong một lớp học không đồng đều nên rất khó cho việc tự học theo phương pháp mới. Để hoàn thành một tiết dạy hiệu quả theo đúng yêu cầu đổi mới thì sẽ tốn rất nhiều thời gian, có khi không đi hết kiến thức của một bài. Đôi khi giáo viên phải phân tích và giải thích thì học sinh mới hiểu và nắm rõ, một số em thụ động thì không nắm được gì và thường rất sợ phải phân tích nhận xét bảng thống kê, biểu đồ, đặc biệt học sinh có nhiều em chưa nhạy bén trong tính toán...

Chính vì vậy cần có sự hợp tác nhuần nhuyễn giữa giáo viên và học sinh, phải có cách hướng dẫn thật hay và dễ hiểu để hình thành ở học sinh kỹ năng học tích cực, tự giác ăn sâu vào trí óc, như vậy mới mang lại hiệu quả cao trong lớp học và đạt chất lượng trong toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông 2018 của môn Địa lí.

III. Hướng giải quyết:

Giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy cần bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng và yêu cầu cần đạt, phân luyện tập cần được tổ chức thường xuyên, lồng ghép các kỹ năng tính toán, nhận xét và vẽ biểu đồ. Trên đây là một số kỹ năng cần truyền đạt đến học sinh lớp 12 nhằm giúp các em học tốt hơn và nếu có ôn thi tốt nghiệp thì các em cũng sẽ cảm thấy nhẹ nhàng và đã nắm vững kỹ năng.

1/ Hướng dẫn các dạng biểu đồ:

a/ Biểu đồ tròn

Khi đề bài yêu cầu thể hiện cơ cấu, quy mô và cơ cấu của đối tượng
Mốc thời gian chỉ từ 1-2 năm.

b/ Biểu đồ đường

Khi đề bài yêu cầu thể hiện sự thay đổi, phát triển, tốc độ tăng trưởng, diễn biến của các đối tượng khác nhau về đơn vị qua nhiều năm.

c/ Biểu đồ cột

Khi đề bài yêu cầu thể hiện sự biến động của một đối tượng qua nhiều năm hoặc so sánh các đối tượng khi có cùng đơn vị trong một năm. **Ví dụ** như biểu đồ so sánh dân số, diện tích ...của 1 số tỉnh, biểu đồ so sánh sản lượng điện của 1 địa phương qua nhiều năm...

d/ Biểu đồ miền

Khi đề bài yêu cầu thể hiện rõ nhất sự thay đổi (chuyển dịch) cơ cấu của hai hoặc ba nhóm đối tượng mà có từ 4 năm trở lên. **Ví dụ** tỷ lệ xuất và nhập, cán cân xuất nhập khẩu...

e/ Biểu đồ kết hợp

Biểu đồ kết hợp giữa đường và cột: Khi đề bài yêu cầu thể hiện các đối tượng khác nhau về đơn vị nhưng có mối quan hệ với nhau. Hoặc đề bài có từ ba loại số liệu trở lên mà cần biểu diễn trên cùng một biểu đồ. **Ví dụ** biểu đồ thể hiện sản lượng khai thác, nuôi trồng và giá trị sản xuất của Việt Nam.

*Lưu ý cách xác định một số dạng biểu đồ cơ bản

TT	Đề bài yêu cầu thể hiện	Dạng biểu đồ	Ghi chú
1	Sự gia tăng của 1 đối tượng địa lí qua các năm. Nếu tí thời điểm thì vẽ cột, nếu nhiều thời điểm thì vẽ đường.	Cột đơn, đường	
2	Mối quan hệ giữa 2 đối tượng địa lí.	Cột kết hợp với đường	
3	Cơ cấu của 1 đối tượng địa lí vào 1, 2, 3 thời điểm	Tròn, cột chồng theo giá trị tương đối (%)	Nên vẽ tròn
4	Cơ cấu của 1 đối tượng địa lí qua nhiều thời điểm ≥ 4 thời điểm.	Miền	3 thời điểm cũng có thể vẽ miền.
5	Tốc độ tăng trưởng của các đối tượng địa lí qua các năm.	Các đường biểu diễn (đổi ra %, lấy giá trị năm đầu ứng với 100%)	
6	Tỉ suất sinh, tỉ suất tử và tỉ suất gia tăng tự nhiên của dân số.	2 đường biểu diễn và có kí hiệu miền diện tích thể hiện Tg.	
7	Giá trị tổng cộng của các thành phần qua các năm	Cột chồng, miền theo giá trị tuyệt đối.	

*Một số ví dụ minh họa:

Câu 1 : Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Kết hợp. **C. Đường.** D. Miền.

câu 2: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 – 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. **B. Đường.** C. Tròn. D. Kết hợp.

Câu 3: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010- 2017

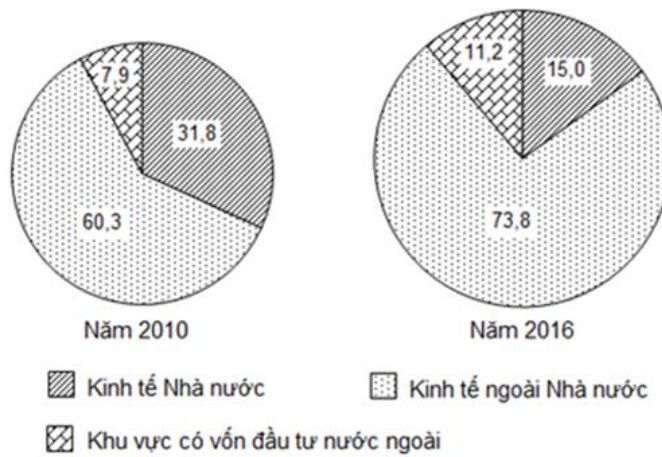
Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê 2018)

Theo bảng số liệu để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 – 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường.** B. Miền. C. Kết hợp. D. Tròn.

Câu 4: (THPT GQ 2019 – Đề minh họa – MĐ 001). Cho biểu đồ:



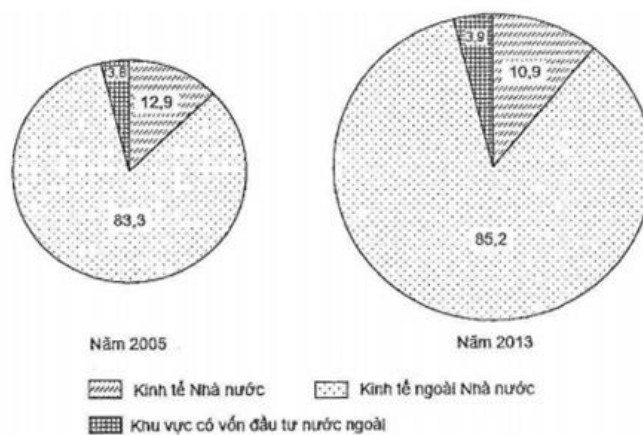
CƠ CẤU DOANH THU DU LỊCH LỮ HÀNH PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ NĂM 2016 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu doanh thu du lịch lữ hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2016 so với năm 2010?

- A. Kinh tế ngoài Nhà nước giảm, kinh tế Nhà nước tăng.
- B. Kinh tế Nhà nước giảm, kinh tế ngoài Nhà nước tăng.**
- C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng, kinh tế Nhà nước tăng.
- D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm, kinh tế Nhà nước giảm.

Câu 5: Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng với tỉ trọng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các thành phần kinh tế ở nước ta năm 2013 so với năm 2005?



CƠ CẤU TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ, NĂM 2005 VÀ 2013 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê, 2015)

- A. Kinh tế Nhà nước giảm, Kinh tế ngoài Nhà nước tăng.
 B. Kinh tế ngoài Nhà nước và Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đều tăng.
 C. Kinh tế Nhà nước và Kinh tế ngoài Nhà nước đều tăng.
 D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng, Kinh tế Nhà nước giảm.

2/ Các dạng tính toán thường gặp:

Giáo viên hướng dẫn các công thức tính thường gặp cho học sinh khi có những nội dung bài liên quan đến các dạng tính này

		Đơn vị	Công thức
1	Mật độ Dân cư	Người/ km ²	Mật độ = $\frac{\text{Số dân}}{\text{Diện tích}}$
2	Sản lượng	Tấn hoặc nghìn tấn hoặc triệu tấn	Sản lượng = Năng suất x Diện tích
3	Năng suất	tạ/ ha	Năng suất = $\frac{\text{Sản lượng}}{\text{Diện tích}}$
4	Bình quân đất trên người	m ² / người	Bình quân đất = $\frac{\text{Diện tích đất}}{\text{Số người}}$
	Bình quân thu nhập	USD/ người	BQ thu nhập = $\frac{\text{Tổng thu nhập}}{\text{Số người}}$
	Bình quân sản lượng LT	Kg/ người	BQ sản lượng = $\frac{\text{Sản lượng LT}}{\text{Số người}}$
5	Từ % tính giá trị tuyệt đối	Theo số liệu gốc	Lấy tổng thể x số %
6	Tính tỉ trọng(cơ cấu) %	%	$\frac{\text{Lấy từng phần}}{\text{Tổng thể}} \times 100$
7	Cán cân xuất nhập khẩu	Ti USD hoặc triệu USD	Giá trị XK – Giá trị NK

8	Lấy năm gốc 100% tính các năm kế tiếp	%	Số thực của năm sau x 100 rồi chia số thực của năm gốc (Năm gốc là năm đầu trong bảng thống kê)
	Lưu ý: 1 tấn = 10 tạ = 1.000 kg 1 ha = 10.000 m ²		

***Bài tập minh họa:**

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Tình hình xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 2018 - 2022

Năm	2018	2019	2020	2022
Giá trị xuất khẩu (Nghìn tỉ đồng)	5 917	6 563	6 787	8 941
Tỷ trọng giá trị xuất khẩu trong cơ cấu xuất nhập khẩu (%)	51,27	51,71	51,69	50,61

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

Hãy cho biết, cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng? (làm tròn đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)

Trả lời

- Tổng giá trị xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là: $(100 \times 8941) : 50,61 = 17666,47$ nghìn tỉ đồng.

- Giá trị nhập khẩu của nước ta năm 2022 là: $17666,47 - 8941 = 8725,47$ nghìn tỉ đồng.

Câu 2: Năm 2021, số dân của vùng đồng bằng sông Hồng là 23 223,1 nghìn người, diện tích là 21,3 nghìn km². Hãy cho biết mật độ dân số của vùng là bao nhiêu? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Đáp án: 1090

Câu 3: Tổng diện tích rừng của Bắc Trung Bộ năm 2021 là 3131,1 nghìn ha, trong đó diện tích rừng trồng là 929,6 nghìn ha. Vậy tỉ lệ diện tích rừng trồng của Bắc Trung Bộ năm 2021 chiếm bao nhiêu phần trăm so với tổng diện tích rừng? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Đáp án: 29,7

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Trị giá sản xuất công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước năm 2010 và 2021

Năm	2010	2021
Cả nước	3 045,6	13 026,8
Đồng bằng sông Hồng	859,5	4 906,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Cho biết tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng năm 2021 tăng bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)

Đáp án: 9,4

Câu 5. Vùng Bắc Trung Bộ năm 2010 có sản lượng thủy sản khai thác 240,9 nghìn tấn; năm 2021 là 512,2 nghìn tấn. Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác năm 2021 so với năm 2010 (coi năm 2010 = 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Trả lời

Đáp án: $(512,2: 240,9) \times 100 \approx 213$

Câu 6. Năm 2022, dân số của Đồng bằng sông Hồng là 23,4 triệu người. Tỉ lệ dân thành thị là 37,6%. Tính số dân thành thị của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2022. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu người)

Trả lời

Đáp án: $(37,6 \times 23,4) : 100 \approx 8,8$

Câu 7. Năm 2021, giá trị xuất khẩu nước ta là 336,1 tỉ USD, giá trị nhập khẩu của nước ta là 332,9 tỉ USD. Tính tỉ lệ xuất khẩu so với nhập khẩu của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Trả lời

Đáp án: $(336,1 : 332,9) \times 100 \approx 101$

Câu 8. Năm 2021, nước ta có trị giá xuất khẩu là 336,1 tỉ USD và trị giá nhập khẩu là 332,8 tỉ USD. Tính cán cân xuất nhập khẩu của nước ta.

Trả lời Đáp án: $336,1 - 332,8 = 3,3$

Câu 9. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2012	2015	2021
Xuất khẩu	72,2	114,5	162,0	336,1
Nhập khẩu	84,8	113,7	165,7	332,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam các năm 2011, 2016, 2022)

Trị giá xuất khẩu năm 2021 tăng bao nhiêu lần so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Trả lời

Đáp án: $336,1 : 72,2 \approx 4,7$

3/ Phương pháp Dạy học:

Giáo viên có thể tổ chức nhiều cách khác nhau tùy bài học. Phương pháp dạy học theo nhóm là phương pháp đặt học sinh vào môi trường học tập (nghiên cứu, thảo luận...) theo các nhóm học tập. Một trong những lí do chính để sử dụng phương pháp này là nhằm khuyến khích học sinh trao đổi và biết cách làm việc hợp tác với người khác. Tổ chức học sinh học tập theo nhóm không chỉ phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng chủ động, sáng tạo trong hoạt động nhận thức của học sinh, tạo điều kiện để mọi người cùng tham gia, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, chuẩn bị cho lao động

phân công hợp tác trong cộng đồng mà qua cách học này nhiều kĩ năng xã hội cũng được hình thành và phát triển như: kĩ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, kĩ năng nói, diễn đạt, kĩ năng tập hợp và ghi chép, kĩ năng báo cáo, trình bày và tính toán, nhận xét.

Tóm lại tùy nội dung của từng bài mà giáo viên áp dụng các biện pháp thích hợp, làm sao để vừa đảm bảo thời gian vừa đảm bảo kiến thức bài học, vừa có tính luyện tập và vận dụng. Nếu có những nội dung gì khó quá có thể giao nhiệm vụ cho học sinh về nhà tìm hiểu thêm trên mạng internet, sách tham khảo,

***Kết quả:**

Sau khi áp dụng một số tiết dạy theo phương pháp tích cực, hướng dẫn các dạng bài tập qua tiết ôn tập, tiết thực hành, tôi nhận thấy học sinh tiến bộ rõ rệt (so với đầu năm học), học sinh chăm học, chịu khó nghe giảng và tích cực giải các bài tập vận dụng.

IV. Kết luận

Mỗi một môn học trong nhà trường là một mảng kiến thức của đời sống được đúc kết, tích lũy qua nhiều thế hệ. Người giáo viên có nhiệm vụ truyền đạt những tri thức ấy tới thế hệ học sinh, bồi dưỡng cho các em nguồn kiến thức cơ bản, giáo dục cho các em lòng yêu thiên nhiên, yêu tổ quốc, năng lực tự học, sáng tạo, khả năng hợp tác làm việc nhóm, biết trân trọng cuộc sống. Từ đó phát huy khả năng tìm tòi, sáng tạo những tri thức mới phục vụ cho cuộc sống và góp phần xây dựng quê hương đất nước Việt Nam ngày càng giàu đẹp hơn.

Tuy nhiên, không có phương pháp giảng dạy nào là tuyệt đối. Vì vậy nhiệm vụ đặt ra cho mỗi người giáo viên là phải lựa chọn phương pháp và hình thức dạy học nào đó để đạt hiệu quả cao nhất, giúp học sinh chủ động, tích cực nắm bắt kiến thức, đáp ứng mục tiêu kiến thức và năng lực cần đạt được của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Qua chuyên đề này, tôi nhận thấy năng lực bản thân còn hạn chế, nội dung mới thực hiện nên chuyên đề có thể còn chưa hoàn thiện, có chỗ chưa phù hợp. Vì vậy tôi mong nhận được sự đóng góp chân tình của các thầy cô.

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 01 năm 2025

Người viết

Trần Thị Dung